

## TẬP A-HÀM QUYỂN 44

KINH 1178. BÀ-TỨ-TRA<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Am-la, tại nước Di-hy-la<sup>2</sup>. Khi ấy, có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra<sup>3</sup>, có sáu người con qua đời liên tiếp. Vì nhớ con nên phát cuồng, trần truồng, xõa tóc, cứ theo đường mà chạy<sup>4</sup>, đến trong vườn Am-la, Di-hy-la. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra trông thấy Thế Tôn. Vừa thấy, bỗng tỉnh tâm lại, thẹn thùng xấu hổ nép mình ngồi xổm xuống.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: “Lấy Uất-đa-la-tăng của ông đem cho thiếu phụ Bà-la-môn Bà-tứ-tra và bảo khoác vào để nghe pháp.” Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, lấy y đưa cho bà khoác vào. Sau khi bà được y, mặc xong, đến trước Phật cúi đầu lễ Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Như thường lệ, Đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam tự quy.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.

Sau đó người con thứ bảy của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra này đột nhiên lại qua đời. Nhưng bà Ưu-bà-di này không còn ưu bi, khổ, não, khóc lóc nữa. Lúc này, chồng của bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ nói với bà rằng:

*Những đứa con trước chết,  
Nhớ thương sanh ưu khổ;  
Ngày đêm không ăn uống,  
Cho đến phát cuồng điên.*

1. Đại Chánh quyển 44. Ấn Thuận, “21. Tương ưng Bà-la-môn (phần sau)”; tiếp theo Đại Chánh kinh số 102 (quyển 4). Quốc Dịch, quyển 38. –Paḷi, Cf. Theri. 133. Vaḥsiææhì. Biệt dịch, N<sup>0</sup>100(92).

2. Di-hy-la 彌絺羅 . Paḷi: Mithilāḥ.

3. Bà-tứ-tra 婆四吒 . Paḷi: Vaḥseææhì.

4. Bà chạy từ Vesali đến Mithilāḥ.

*Nay chôn đũa thứ bảy,  
Sao không sanh ưu khổ?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra liền nói kệ đáp lại cho chồng rằng:

*Con cháu có cả ngàn,  
Nhân duyên hòa hợp sanh;  
Đã lâu thành quá khứ;  
Tôi và ông cũng vậy.  
Con cháu và dòng họ,  
Số này không hạn lượng,  
Sanh nơi này, nơi kia;  
Tàn sát, ăn thịt nhau.  
Nếu biết cuộc sống ác<sup>5</sup>,  
Sanh ưu khổ làm gì.  
Tôi đã biết xuất ly,  
Sự sống chết, còn mất.  
Không còn sanh ưu khổ,  
Do nhập Chánh pháp Phật.*

Lúc ấy, người chồng của Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ khen rằng:

*Pháp chưa từng được nghe,  
Mà nay nghe bà nói.  
Nghe nói pháp ở đâu,  
Không ưu khổ nhớ con?*

Ưu-bà-di Bà-tứ-tra làm kệ đáp:

*Nay Đấng Đấng Chánh Giác,  
Tại nước Câu-hy-la;  
Trong vườn cây Am-la,  
Lìa hẳn tất cả khổ.  
Diễn nói tất cả khổ,  
Khổ tập, Khổ tịch diệt.  
Bát chánh đạo Hiền thánh,  
An ổn hướng Niệt-bàn.*

---

<sup>5</sup>: Ác 惡 ; Ấn Thuận, Phật Quang đọc là yếu 要 . Các bản Tống-Nguyên-Minh đọc là ác 惡 .

*Đó là Thầy của tôi,  
Hâm mộ Chánh giáo Ngài.  
Tôi đã biết Chánh pháp,  
Hay trừ khổ nhớ con.*

Người chồng là Bà-la-môn nói kệ đáp:

*Nay tôi cũng sẽ đến,  
Vườn Am-la, Di-hy;  
Đức Thế Tôn cũng sẽ,  
Dạy bỏ khổ nhớ con.*

Ưu-bà-di lại nói kệ đáp:

*Nên quán Đăng Chánh Giác,  
Mềm mại thân sắc vàng;  
Điều phục người khó điều,  
Đưa khắp người qua bể.*

Bấy giờ, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ; rồi lên xe ngựa đến vườn Am-la, Di-hy. Từ xa trông thấy Thế Tôn, lòng tin vui tăng lên, đến trước Đại Sư. Khi ấy Đại Sư vì ông mà nói kệ, khai mở pháp nhãn cho ông, thấy khổ, tập, diệt, đạo, thẳng đến Niết-bàn. Ông liền thấy pháp, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, xin được phép xuất gia. Ngay lúc đó Bà-la-môn liền được xuất gia và một mình ở chỗ yên tĩnh, tư duy... cho đến đắc A-la-hán.

Thế Tôn đã ký thuyết là chờ vào đêm thứ ba, ông sẽ đắc tam minh. Sau khi đắc tam minh rồi, Đức Thế Tôn bảo ông, sai người đánh xe hãy đem xe về nhà, cho Ưu-bà-di Bà-tứ-tra biết, khởi phát lời tùy hỷ chúc mừng rằng:

“Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.”

Khi đó người đánh xe vâng lời liền quay về nhà, từ xa Ưu-bà-di Bà-tứ-tra trông thấy người đánh xe không trở về, liền hỏi:

“Bà-la-môn có gặp được Phật không? Phật có vì ông thuyết

pháp, khai thị pháp nhãn cho ông thấy Thánh đế không?”

Người đánh xe thưa:

“Bà-la-môn đã đến gặp Thế Tôn; đã có được tín tâm thanh tịnh và kính thờ làm Thầy. Đại Sư liền vì ông thuyết pháp, vì ông mà khai mở pháp nhãn, ông đã thấy Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và tám đường Hiền thánh an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành tựu hiện quán. Sau khi biết pháp rồi, liền xin xuất gia và Thế Tôn đã ký thuyết là vào đêm thứ ba ông đắc tam minh đầy đủ.” Lúc ấy, Ưu-bà-di trong lòng liền vui vẻ, nói với người đánh xe:

“Cho ông chiếc xe ngựa này cộng thêm một trăm ngàn tiền vàng, vì ông đã truyền tin, nói là Bà-la-môn Tú-xà-đế<sup>6</sup> đã chứng tam minh, khiến lòng tôi vui vẻ.”

Người đánh xe đáp:

“Bây giờ con đâu cần xe ngựa và vàng bạc làm gì? Xe ngựa vàng bạc, xin trả lại cho bà Ưu-bà-di, nay con sẽ trở lại chỗ Bà-la-môn, theo ông xuất gia.”

Ưu-bà-di nói:

“Ý ông như vậy, thì hãy mau mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu cũng sẽ được tam minh đầy đủ như ông chủ.”

Người đánh xe nói:

“Đúng vậy, thưa bà Ưu-bà-di, như ông chủ xuất gia, con cũng sẽ như vậy.”

Bà Ưu-bà-di nói:

“Cha của người đã xuất gia, người cũng xuất gia theo. Ta nay không bao lâu cũng sẽ đi theo. Giống như con rồng lớn trong đồng trống lướt qua hư không mà du hành. Những con rồng khác, rồng con trai, rồng con gái, thấy đều bay theo. Ta cũng như vậy, sẽ mang bát, đắp y, sống đời để thỏa mãn.”

Người đánh xe thưa:

“Thưa bà Ưu-bà-di, nếu như vậy, sở nguyện của bà ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu sẽ thấy bà Ưu-bà-di ít muốn, biết đủ, đắp y, mang bát, xin nhận những gì người ta bỏ đi mà ăn, cạo tóc mặc áo nhuộm. Đối với ẩm, giới, nhập, đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham

---

6. Tú-xà-đế 宿闍諦. Paḷi: Sujaṭa.

và dứt hết các hữu lậu.”

Ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà Ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê<sup>7</sup> đều xuất gia, cứu cánh thoát khổ.

## M

### KINH 1179. MẮT BÒ<sup>8</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong tinh xá Đại lâm<sup>9</sup>, nước Tỳ-xá-ly. Bảy giờ, có Bà-la-môn Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá<sup>10</sup>, sáng sớm đi mua bò, chưa kịp trả giá, ngay hôm đó mất bò. Sáu ngày không tìm thấy. Nhân tìm bò, Bà-la-môn đến tinh xá Đại lâm.

Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới bóng cây, dung nghi đĩnh đạc, các căn thanh tịnh, tâm Ngài vắng lặng, thành tựu chỉ quán. Thân Ngài sắc vàng chiếu sáng chói. Thấy vậy, liền đến trước Ngài nói kệ:

*Vì sao không sờ cầu,  
Trống vắng ở nơi này,  
Một mình nơi rừng vắng,  
Mà tâm được an lạc?*

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hoặc mất, hoặc được lại,  
Đổi tâm Ta không loạn;  
Bà-la-môn nên biết,  
Chớ nói kia như Ta.  
Tâm chấp việc được mất,  
Tâm ấy không tự tại.*

7. Tôn-đà-bàn-lê 孫陀槃梨. Pāḷi: Sundarī.

8. Pāḷi, S. 7. 1. 10. Bahudhīti. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(93).

9. Bản Pāḷi: Kosalesu viharatī aóatarasmiṃ vanande, trong một khu rừng họ ở Kosala.

10. Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá 毘梨耶婆羅豆婆遮. Pāḷi: aóatarassa bhaṛadvāja-gotassa braḥmaḍassa, có một người Bà-la-môn họ thuộc dòng họ Bhaṛadvāja.

Lúc ấy Bà-la-môn lại nói kệ:

*Chỗ Phạm chí hơn hết,  
Như Tỳ-kheo đã nói;  
Nay tôi sẽ tự nói,  
Lắng nghe lời chân thật.  
Sa-môn định chẳng phải  
Người mất bò buổi sáng,  
Sáu ngày tìm không được,  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Người gieo trồng ruộng mè  
Lo cỏ hoang phủ mất;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Người trồng lúa thiếu nước,  
Sợ hoang khô mà chết;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Quả phụ có bảy người,  
Đều nuôi con mồ côi;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Bảy con không được yêu,  
Phóng túng nhiều nợ nần;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Chủ nợ giữ cửa mình,  
Tìm đòi tiền lãi nhiều;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Đồ nằm sâu bảy lớp  
Lo lắng nhật côn trùng;  
Cho nên sống an lạc.  
Sa-môn định chẳng phải  
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,*

Ngày đêm nghe tiếng ác;  
 Cho nên sống an lạc.  
 Sa-môn định chẳng phải  
 Bỏ không, đàn chuột giỡn  
 Thường lo lắng thiếu gây;  
 Cho nên sống an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Nay Ta quyết không phải  
 Kẻ mất bò buổi sáng,  
 Sáu ngày tìm không ra,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Người gieo trồng ruộng mè,  
 Lo cỏ hoang phủ mất,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Người trồng lúa thiếu nước,  
 Sợ hoang khô mà chết,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Quả phụ có bảy người,  
 Điều nuôi con mồ côi,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Bảy con không được yêu,  
 Phóng túng nhiều nợ nần,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Chủ nợ giữ cửa mình,  
 Tìm đòi tiền lãi nhiều,  
 Cho nên sống an lạc.  
 Nay Ta quyết không phải  
 Đồ nằm sâu bảy lớp,  
 Lo lắng nhất côn trùng,

*Cho nên sống an lạc.  
Nay Ta quyết không phải  
Vợ tóc vàng, mắt đỏ,  
Ngày đêm nghe tiếng ác,  
Cho nên sống an lạc.  
Nay Ta quyết không phải  
Bồ không, đàn chuột giỡn,  
Thường lo lắng thiếu gầy,  
Cho nên sống an lạc.  
Không buông niệm, không niệm.  
Chúng sanh sống an lạc;  
Đoạn dục, lìa ân ái,  
Mà được sống an lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì tinh tấn Ba-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá mà thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui mừng. Như thường lệ Phật theo thứ tự thuyết pháp về bố thí, trì giới... cho đến ở trong Chánh pháp tâm không còn sợ hãi, rồi liền từ chỗ đứng dậy chấp tay bạch Phật:

“Con nay có được xuất gia học đạo thành Tỳ-kheo, tu phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nay ông có thể được xuất gia, thọ cụ túc giới, tu các phạm hạnh ở trong Chánh pháp luật ...”. *Chi tiết, cho đến đắc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.*

Bấy giờ tinh tấn Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đắc A-la-hán, duyên tự tâm mà giác tri, được an lạc giải thoát, bèn nói kệ:

*Nay ta thật vui sướng,  
Ở trong pháp Đại tiên;  
Được vui lìa tham dục,  
Không phí công thấy Phật.*

M



KINH 1180. TRÍ GIẢ<sup>11</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng cây Sa-la, tại tụ lạc Bà-la-môn<sup>12</sup>. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, mang bát vào tụ lạc Bà-la-môn khất thực, bất chợt mây phi thời nổi lên. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: ‘Nay, Ta nên đến trong nhà hội lớn gia chủ Bà-la, tại tụ lạc Bà-la-môn<sup>13</sup>.’ Nghĩ vậy rồi, Ngài liền đến chỗ nhà hội lớn kia. Khi ấy các gia chủ Bà-la-môn đang hội họp trong nhà đó. Từ xa trông thấy Thế Tôn, họ cùng bảo với nhau: “Sa-môn cạo đầu kia cuối cùng biết pháp gì<sup>14</sup>?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ Bà-la-môn tụ lạc Bà-la kia rằng:

“Trong dòng Bà-la-môn có người biết pháp, có người không biết pháp; dòng Sát-đế-lợi hay gia chủ, cũng có người biết pháp, có người không biết pháp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng bạn muốn hơn bạn,  
Vua không phục khó phục;  
Vợ không cầu hơn chồng,  
Con nào không kính cha?  
Không người trí: không hội.  
Không trí: không lời pháp;  
Tham, sân, si đoạn tận,  
Thì đó là người trí.*

Khi ấy gia chủ Bà-la-môn kia bạch Phật:

“Thiện sĩ Cù-đàm! Thiện sĩ phu! Mời Ngài có thể vào nhà này mà ngồi.”

11. Paḷi, S.7.22. Khomadussa. Biện dịch, N<sup>o</sup>100(94).

12. Paḷi: Sakkesu viharati Khomadussaṃ naṃmaṃ Sakyānaṃ nigamo. Sống giữa những người họ Thích, tại tụ lạc Khomadussa của họ Thích.

13. Bà-la-môn tụ lạc Bà-la trưởng giả 婆羅門聚落婆羅長者. Paḷi: Khomadussakaṃ brahṃmaṃāgahapatikaṃ sabhaṃyaṃ, trong nhà hội của những gia chủ Bà-la-môn thuộc tụ lạc Khomadussa.

14. Paḷi: ke ca muḍḍākaṃ samaḍakaṃ, ke ca sabhaḍdhammaṃ jaṇanti? “Những Sa-môn cạo đầu kia là ai? Sao họ không biết pháp hội họp?”

Sau khi Thế Tôn ngồi rồi, liền bạch rằng:

“Xin Cù-đàm thuyết pháp. Chúng tôi muốn nghe.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì gia chủ Bà-la-môn nơi đại hội này bằng mọi cách thuyết pháp khai thị, dạy dỗ, soi sáng và làm cho vui mừng rồi, lại nói kệ:

*Ngu cùng trí tuệ hội,  
Không nói, biết ai sáng?  
Hay nói đạo tịch tĩnh,  
Nghe nói, biết kẻ trí.  
Người nói, nêu Chánh pháp,  
Kiến lập cờ Đại tiên;  
Khéo nói là cờ Tiên,  
Pháp là cờ La-hán.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì các gia chủ Bà-la-môn nơi tụ lạc Bà-la kiến lập chánh pháp, khai thị, dạy dỗ, soi sáng, làm cho vui vẻ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

## M

### KINH 1181. THIÊN TÁC<sup>15</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở Câu-tát-la<sup>16</sup>, du hành trong nhân gian. Rồi đến tụ lạc Phù-lê<sup>17</sup>, trú trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác<sup>18</sup>. Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma<sup>19</sup> làm thị giả. Bấy giờ Thế Tôn đang đau lưng<sup>20</sup>, bảo Tôn giả Ưu-ba-ma:

“Thầy cất y bát xong, đến nhà Bà-la-môn Thiên Tác.”

Lúc đó Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải

15. Paøli, S. 7. 2. 3. Devahita. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(95).

16. Bản Paøli: Saøvatthinidaønaø, nhân duyên ở Xá-vệ.

17. Phù-lê tụ lạc 浮梨聚落.

18. Thiên Tác Bà-la-môn 天作婆羅門. Paøli: Devahito braøhmaø.

19. Ưu-ba-ma 優波摩. Paøli: Upavaøøa.

20. Paøli: vaøtehaøbaødhiko, phong bệnh; được giải thích (Tha.ii.57), do sự dao động của gió nội thân. Không phải gió cảm mạo từ ngoài.

đầu và cạo râu, sửa tóc cho ông, thấy Tôn giả Ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa. Thấy rồi ông nói kệ:

*Vì sao cạo râu tóc,  
Mình khoác Tăng-già-lê<sup>21</sup>;  
Đang đứng ngoài cửa đó,  
Muốn cầu xin thứ gì?*

Tôn giả Ưu-ba-ma nói kệ đáp:

*Đấng Thiện Thệ La-hán,  
Bị bệnh phong đau lưng;  
Có thứ nước an lạc<sup>22</sup>,  
Trị bệnh Mâu-ni chẳng?*

Lúc ấy, Bà-la-môn Thiên Tác lấy ra một bát đầy tô, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi sai người bưng đi, cùng bình nước nóng, theo Tôn giả Ưu-ba-ma đến chỗ Thế Tôn. Lấy dầu xoa lên thân, dùng nước nóng rửa đi, xong đem tô và đường phèn làm nước uống. Sau đó, bệnh đau lưng Thế Tôn liền được an ổn. Sáng sớm hôm sau Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Sao gọi Bà-la-môn,  
Thí gì được quả lớn?  
Thế nào là thời thí<sup>23</sup>,  
Sao gọi ruộng phước tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu được trí túc mạng,  
Thấy trời, định hướng sanh<sup>24</sup>;  
Được hết các hữu lậu,  
Mâu-ni khởi tam minh.*

21. Paḷi: muoṅṅo saṅghaṭṭipaḥṛuto, trọc đầu, khoác Tăng-già-lê.

22. An lạc thủy 安樂水. Paḷi: uòhodakaḥ, nước nóng. Bản Hán đọc là sukhodakaḥ?

23. Thời thí 時施; chỉ trong lúc đang bố thí (hiểu theo phân từ hiện tại). Paḷi: kathaóhi yajamaṇnassa, như thế nào, trong lúc hiến tế?

24. Các bản đều đọc là định thú sanh 定趣生. Nên đọc là ác thú sanh, gắn với bản Paḷi. Paḷi: saggapapaýaóca passati, thấy sanh thiên, hay đọa lạc.

*Khéo biết tâm giải thoát,  
Giải thoát tất cả tham;  
Mới gọi Bà-la-môn.  
Thí kia được quả lớn.  
Thí kia là thời thí,  
Ruộng phước theo ý muốn.*

Sau khi Bà-la-môn Thiên Tác nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

## M

### KINH 1182. NGHỀ RUỘNG<sup>25</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, cách rừng Sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông<sup>26</sup>. Sáng sớm thức dậy vào trong rừng Sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một bóng cây, tướng mạo oai nghi đoan chánh, các căn thanh tịnh, tâm người tịch định, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất. Thân Ngài sắc vàng ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, đến chỗ Ngài, bạch rằng:

“Bạch Cù-đàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-đàm, có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này? Rồi nói kệ:

*Tỳ-kheo ở rừng này,  
Vì có nghề nghiệp gì,  
Nên một mình chỗ vắng,  
Thích ở trong rừng này?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Vô sự ở rừng này,*

---

<sup>25</sup>. Paḷi, S.7.17. Navakammika. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(96).

<sup>26</sup>. Hán: doanh tác điền nghiệp 營作田業. Bản Paḷi: navakammika, thợ cắt nhà (hoặc thợ mộc).

*Rẽ rừng chặt từ lâu;  
Nơi rừng, lia thoát rừng,  
Thiên tư, trừ bất lạc.*

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ ra về.

## M

### KINH 1183. NHẬT CỬI<sup>27</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng Sa-la.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở bên cạnh rừng, cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn ở chung<sup>28</sup>. Bà-la-môn kia thường tán thán, mong mỏi và muốn gặp Thế Tôn, “Khi nào Ngài du hành đến rừng này, nhân đó ta đến gặp để hỏi về những chỗ còn nghi. Ngài có rảnh vì ta mà ký thuyết không?”

Khi ấy người đệ tử thiếu niên của Bà-la-môn kia nhân kiếm củi, nên vào trong rừng. Từ xa nhìn thấy Thế Tôn ngồi dưới bóng cây, dung nghi đoan chánh, các căn vắng lặng, tâm ngài định tĩnh, thân như núi vàng ánh sáng chiếu suốt, thấy rồi tự nghĩ: ‘Thầy mình thường tán thán, kính ngưỡng và mong được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm này đến trong rừng này, ta phải nhanh chóng về báo cho thầy ta biết.’ Tức thì ôm bó củi nhanh chóng trở về nhà học, bỏ bó củi xuống, rồi đến chỗ thầy thưa rằng:

“Thầy nên biết! Lâu nay thầy thường tán thán, kính ngưỡng muốn gặp Sa-môn Cù-đàm đến rừng này để hỏi những điều nghi, nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết thời.”

Khi ấy Bà-la-môn liền đến chỗ Thế Tôn, sau khi thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Một mình vào nơi sợ,*

<sup>27</sup>. Paøli, 7.18. Kaææhahaøra. Biệt dịch, N<sup>0</sup>100(97).

<sup>28</sup>. Cọng (túc) /@ ±J. Hán dịch sát nghĩa đen. Paøli: antevaøtika: đệ tử (= người sống chung).

*Trong rừng rậm thâm sâu;  
Đứng vững không dao động,  
Khéo tu pháp chánh cần.  
Không ca múa âm nhạc,  
Ở chỗ vắng tĩnh lặng;  
Tôi chưa từng thấy ai,  
Một mình thích rừng sâu.  
Muốn tìm nơi thế gian,  
Vị Chúa tế tự tại;  
Là trời Tam thập tam,  
Cõi trời vui tự tại.  
Cớ sao vào rừng sâu,  
Khổ hạnh tự khô héo?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mong cầu nhiều là khổ,  
Đắm mê vào các cõi;  
Tất cả chúng đều là  
Cội rễ của ngu si.  
Những loại cầu như vậy,  
Ta trừ bỏ từ lâu.  
Không cầu, không lừa dối,  
Tất cả không đưng tới.  
Đối tất cả các pháp,  
Duy có quán thanh tịnh;  
Được vô thượng Bồ-đề,  
Thiền tư tu chánh lạc.*

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nay con kính lễ Ngài,  
Đấng Mâu-ni tịch lặng;  
Vua thiền tư vi diệu,  
Đại giác, giác vô biên.  
Như Lai cứu trời, người,  
Vòi vọi như núi vàng;  
Giải thoát khỏi rừng rậm,  
Ở rừng hản không đắm.*

Đã nhổ gai nhọn sâu,  
 Lành sạch không dấu vết;  
 Thượng thủ hàng luận sư,  
 Biện luận hơn tất cả.  
 Sư tử hùng loài người,  
 Rống động khắp rừng sâu;  
 Hiện hiện Khổ Thánh đế,  
 Tập, Diệt, tám Thánh đạo.  
 Diệt tận các tụ khổ,  
 Xuất ly, tịnh không như;  
 Tự thoát tất cả khổ,  
 Cứu khổ khắp chúng sanh.  
 Vì an lạc chúng sanh,  
 Nên diễn nói Chánh pháp;  
 Với ân ái đã dứt,  
 Đối lười dục xa lìa.  
 Đoạn trừ hết tất cả,  
 Kết buộc của hữu ái;  
 Như hoa sen sống nước,  
 Không nhiễm dính nước bùn.  
 Như mặt trời giữa không,  
 Trong sáng không mây che;  
 Hôm nay con may mắn,  
 Đến rừng Câu-tát-la.  
 Được gặp Bạc Đại Sư,  
 Đáng Lưỡng Túc Tôn Thắng;  
 Đại tinh tấn, rừng sâu,  
 Rộng độ sanh bậc nhất.  
 Hàng đầu, Điều Ngự Sư,  
 Kính lễ Đáng Vô Úy.

Sau khi Bà-la-môn nói đầy đủ kệ khen ngợi Phật xong, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ ra về.

## KINH 1184. TÔN-ĐÀ-LỢI (1)<sup>29</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi<sup>30</sup>. Bấy giờ, Thế Tôn cạo tóc chưa lâu, vào cuối đêm, lấy y phủ lên đầu, ngồi kiết già, chánh thân tư duy, cột niệm ở trước.

Bấy giờ, bên sông Tôn-đà-lợi có Bà-la-môn<sup>31</sup> đang ở, cuối đêm thức dậy, đem những thức ăn cúng còn dư chưa hết, đem đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức lớn để cúng dường.

Khi ấy Thế Tôn nghe tiếng Bà-la-môn bên bờ sông; nghe rồi bèn đặng hăng lên tiếng và lấy y ra để bày đầu. Lúc ấy, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi thấy Phật rồi, tự nghĩ: “Đây là Sa-môn cạo đầu, chẳng phải Bà-la-môn.” Định đem thức ăn trở về, nhưng Bà-la-môn này lại nghĩ: “Đâu phải chỉ có Sa-môn đầu cạo tóc. Trong hàng Bà-la-môn cũng có người đầu cạo tóc. Nên đến đó, hỏi chỗ sanh của ông ta.” Lúc này, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi đến chỗ Thế Tôn hỏi rằng:

“Ngài sanh thuộc dòng họ nào?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Ông chớ hỏi chỗ sanh,  
Mà nên hỏi chỗ hành.  
Khắc cây dùi lấy lửa,  
Cũng có thể sanh lửa.  
Trong dòng họ hạ tiện,  
Sanh Mâu-ni vững chắc;  
Trí tuệ, có tâm quý,  
Tinh tấn, khéo chế ngự.  
Rốt ráo sáng tỏ khắp,  
Tu phạm hạnh thanh tịnh;  
Mà nay đã đúng thời,*

<sup>29</sup>. Paøli, S.7.9. Sundarika. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(99).

<sup>30</sup>. Tôn-đà-lợi hà 孫陀利河. Paøli: Sundarikaø-nadi.

<sup>31</sup>. Paøli: Sundarikabhaøradvaøja braøhmaøa, Bà-la-môn Sundarika dòng họ Bhaøradvaøja.



*Nên cúng thức ăn dư.*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lại nói kệ:

*Nay ngày tốt của con,  
Muốn cúng dường cầu phước;  
May gặp được Đại sĩ,  
Tôn quý nhất ba thời.  
Nếu không gặp được Phật,  
Thời đã cúng người khác.*

Bấy giờ, Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi càng tăng thêm lòng tin, liền đem thức ăn dư ấy phụng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận, vì đã nhờ nói bài kệ mà được.

*(Chi tiết như đã nói, vì nhờ thuyết pháp mà được đồ ăn).*

Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bây giờ thức ăn cúng này nên để chỗ nào?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần hay người đời nào có thể ăn thức ăn này mà khiến thân thể an ổn. Ông hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ mọc.”

Lúc này, Bà-la-môn này liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng. Nước liền bốc khói sủi bọt sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như nung hòn sắt, đem bỏ vào trong nước lạnh, bốc khói sủi bọt sôi lên phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn này cũng vậy. Bỏ vào nước không có trùng, bốc khói sủi bọt, sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi lòng kinh hãi, thân lông dựng lên hết, cho là tai biến, vội chạy lên bờ gom củi khô lại cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái. Thế Tôn thấy ông gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để mong dứt sự tai quái. Thấy vậy, liền nói kệ:

*Bà-la-môn thờ lửa,  
Thieu đốt cây cỏ khô,  
Chớ cho là tịnh đạo,  
Có thể dứt tai hoạn.  
Đó là ác cúng dường,  
Mà bảo là trí tuệ.*

Tạo nhân duyên như vậy,  
Ngoại đạo thủ tu tịnh.  
Nay ông bỏ lửa củi,  
Thổi bùng lửa bên trong;  
Thường tu không phóng dật,  
Lúc nào cũng cúng dường.  
Tin tịnh khắp mọi nơi,  
Rộng bày đại hội thí.  
Tâm ý là bó củi,  
Sân nhuế bốc khói đen.  
Vọng ngữ là vị đời,  
Miệng lưỡi là thìa gổ;  
Ngực giữ nơi lửa đốt,  
Lửa đục thường cháy mạnh.  
Phải khéo tự điều phục,  
Người tiêu diệt ngọn lửa.  
Chánh tín là sông lớn,  
Tịnh giới là vượt sang.  
Lắng trong sạch dòng nước,  
Được người trí khen ngợi;  
Sạch trong người: đức trời,  
Nên tắm rửa trong đó.  
Lợi nước không dính mình,  
An ổn qua bờ kia.  
Chánh pháp là vực sâu,  
Phước đức là xuống đò.  
Nước lắng trong tràn đầy,  
Được người trí khen ngợi  
Sạch trong người: đức trời,  
Nên tắm rửa trong đó.  
Lợi nước không dính mình,  
An ổn qua bờ kia;  
Chân đế khéo điều ngự,  
Nhiếp hộ tu phạm hạnh.  
Từ bi là khổ hạnh,

*Tâm chân thật thanh tịnh;  
Dùng Chánh pháp tắm rửa,  
Được người trí xưng tán.*

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, trở lại đường cũ mà đi.

## M

### KINH 1185. TÔN-ĐÀ-LỢI (2)<sup>32</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong rừng rậm bên sông Tôn-đà-lợi. Lúc ấy, có Bà-la-môn đang ở bên sông Tôn-đà-lợi, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ủy lạo xong, ngồi lui qua một bên, hỏi Phật:

“Bạch Cù-đàm, Ngài có đến sông Tôn-đà-lợi tắm rửa không?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đến sông Tôn-đà-lợi để tắm rửa để làm gì?”

Bà-la-môn bạch:

“Bạch Cù-đàm, sông Tôn-đà-lợi là cứu độ, là an lành, là thanh tịnh. Nếu ai tắm rửa ở đó, có thể trừ hết mọi điều ác.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng sông Tôn-đà-lợi,  
Cũng chẳng Bà-hutu-đa;  
Chẳng Già-da, Tát-la.  
Những con sông như vậy;  
Không khiến người tạo ác  
Có thể thành thanh tịnh.  
Nhưng sông Tôn-đà-lợi,  
Hằng hà, Bà-hutu-đa;  
Người ngu thường ở đó,  
Không thể trừ hết ác.  
Những người thanh tịnh kia,  
Cần tắm rửa làm gì?*

<sup>32</sup>. Paoli, M. 7. Vatthupama-sutta. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100 (98); N<sup>o</sup>125(13.5).

*Những người thanh tịnh kia,  
Cần bố-tát làm gì?  
Nghịệp tịnh do mình tịnh,  
Đời này nên gìn giữ;  
Không sát sanh, trộm cướp,  
Không dâm, không nói dối;  
Bố thí trừ keo bần,  
Ở đó mà tắm rửa.  
Đối tất cả chúng sanh,  
Thường khởi lòng từ bi;  
Dùng nước giếng tắm rửa,  
Già-da để làm gì?  
Trong tâm tự thanh tịnh,  
Không đợi tắm bên ngoài;  
Kẻ nghèo cùng hạ tiện,  
Thân thể nhiều như bần.  
Dùng nước rửa bụi ngoài,  
Không thể sạch ở trong.*

Sau khi Bà-la-môn bên sông Tôn-đà-lợi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

## M

### KINH 1186. BÚI TÓC (1)<sup>33</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc La-đậu-bà-giá<sup>34</sup>, vốn là người quen biết của Phật lúc còn là người thế tục, đến chỗ Phật, thăm hỏi, ướm lạo xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Người búi tóc ngoài thân,*

<sup>33</sup>. Paṭṭi, S.7.6. Jaṅgāṇa. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(100).

<sup>34</sup>. Oanh ké La-đậu-bà-giá Bà-la-môn 黎髻羅豆婆遮婆羅<sup>a</sup>. Trên chữ la 羅 có thể sót chữ bà 婆. Paṭṭi; Jaṅgābhaṇḍavaṇḍa-braḥmaṇḍa, Bà-la-môn bện tóc dòng họ Bhaṇḍavaṇḍa.

*Đó chỉ gọi búi tóc;  
 Người búi tóc bên trong,  
 Là chúng sanh trói buộc.  
 Nay xin hỏi Cù-đàm,  
 Làm sao gỡ búi tóc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nên thọ trì tịnh giới,  
 Trong tâm tu Chánh giác;  
 Chuyên tinh cần phượng tiện,  
 Thì gỡ được búi tóc.*

Sau khi Bà-la-môn búi tóc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

## M

### KINH 1187. BÚI TÓC (2)<sup>35</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đâu-bà-giá, đến chỗ Phật, thăm hỏi úy lạo nhau xong, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Người búi tóc ngoài thân,  
 Đó chỉ gọi búi tóc.  
 Người búi tóc trong tâm,  
 Là chúng sanh trói buộc.  
 Nay tôi hỏi Cù-đàm,  
 Người búi tóc như vậy;  
 Nên dùng phượng tiện gì?  
 Nơi nào gỡ búi tóc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, cùng với mũi,  
 Lưỡi, thân, ý nhập xứ;  
 Đối với danh sắc kia,  
 Diệt hết khiến không còn.*

<sup>35</sup>. Tham chiếu kinh 1187 trên.

*Các thức đã diệt hẳn,  
Nơi đó dứt búi tóc.*

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn búi tóc Bà-la-đậu-bà-giá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

## M

### KINH 1188. TÔN TRỌNG<sup>36</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề<sup>37</sup>, bên sông Ni-liên-thiền, tại tụ lạc Uất-bê-la, thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình yên tĩnh tư duy tự nghĩ rằng:

“Thật là khổ thay, không có cung kính, không có thứ lớp, không có bậc tự tại nào khác để nể sợ<sup>38</sup>. Như vậy sẽ bị thoái giảm đối với đại nghĩa. Có chỗ để cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại nào khác, sẽ sống được an lạc. Có cung kính, có thứ tự, có bậc tự tại khác, đại nghĩa được đầy đủ. Có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể thành tựu hơn Ta về giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri, Ta sẽ cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống.”

Ngài lại nghĩ:

“Nhưng không có ai trong chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần và Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Ta, để khiến Ta cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào người đó mà sống. Duy chỉ có Chánh pháp khiến Ta tự giác, thành tựu Bồ-đề. Ta hãy cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường pháp ấy, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng cung kính,

---

<sup>36</sup>. Quốc Dịch, quyển 38, phần cuối, “Tụng vii. Kệ. 6.Tương ứng Phạm thiên” 1 phẩm, 10 kinh. Ấn Thuận, “Tụng viii. 22. Tương ứng Phạm thiên” mười kinh: 1288-1287 (Đại Chánh, kinh 1188-1197). Paøli, S.6.2. Gaørava; cf. A. 4. 21. Uruvelaø. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(101).

<sup>37</sup>. Paøli: ajapaølanigrodhamuøle, dưới gốc cây Ajapaøla-nigrodha.

<sup>38</sup>. Paøli: dukkhaø kho agaøravo viharati appatisso, “Khổ thay, sống mà không có sự kính trọng, không có sự thuận tòng”.

tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng sẽ cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống.”

Bấy giờ, Phạm Thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết tâm niệm Thế Tôn rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Phạm thiên, đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Lành thay, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Những người giải đãi không cung kính thì rất khổ... (*nói chi tiết như trên, cho đến*) nghĩa lớn đầy đủ. Kỳ thực không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Thần, Người mà có thể có đầy đủ giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn, để khiến Thế Tôn cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường, nương vào đó mà sống. Chỉ có Chánh pháp, mà Như Lai tự ngộ thành Chánh đẳng Chánh giác, là chỗ mà Như Lai phải cung kính tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Vì sao? Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ cũng đã cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vị lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống. Thế Tôn cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường Chánh pháp, nương vào đó mà sống.”

Bấy giờ Phạm thiên vương lại nói kệ:

*Chư Phật thời quá khứ,  
Và chư Phật vị lai;  
Phật, Thế Tôn hiện tại,  
Hay trừ chúng sanh ưu;  
Hết thấy cung kính pháp,  
Nương Chánh pháp mà sống.  
Sự cung kính như vậy  
Đó là pháp chư Phật.*

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

## KINH 1189. PHẠM THIÊN (1)<sup>39</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiên, tại tụ lạc Uất-bê-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vậy:

“Có nhất thừa đạo<sup>40</sup> có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não và được pháp chân như<sup>41</sup>. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn?”

“Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn Niệm xứ thì sẽ không thích Thánh pháp như<sup>42</sup>. Không thích Thánh pháp như thì sẽ không thích Thánh đạo như<sup>43</sup>. Không thích Thánh đạo như thì sẽ không thích pháp cam lộ. Không thích pháp cam lộ thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Nếu người nào thích tu bốn Niệm xứ thì sẽ thích tu Thánh pháp như. Thích tu Thánh pháp như thì sẽ thích Thánh đạo như. Thích Thánh đạo như thì sẽ thích pháp cam lộ. Thích pháp cam lộ thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà, biết được tâm niệm của Phật rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, tán thán rằng:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đúng vậy, bạch Thiên Thệ! Có nhất thừa đạo có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh. Đó là bốn Niệm xứ... cho đến giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Lúc ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ:

---

<sup>39</sup>. Paøli, S. 47. 18. Brahmaø. Biệt dịch, N<sup>0</sup>100 (102); N<sup>0</sup>101(4).

<sup>40</sup>. Nhất thừa đạo 一乘道. Paøli: ekaøyano maggo, con đường có một lối đi duy nhất, khác với ekayaøna, nhất thừa, chỉ một cỗ xe duy nhất.

<sup>41</sup>. Đắc chân như pháp 得真如法. Paøli: óaøyassa adhigamaøya, nibbaønassa sacchikiriyaøya, để đạt đến Chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn.

<sup>42</sup>. Như Thánh pháp 如法. Paøli: óaøya (dhamma)? Xem thêm cht. dưới.

<sup>43</sup>. Như Thánh đạo 如道. Paøli: óaøyaøya maggam, con đường dẫn đến chánh lý(?)



Rằng có nhất thừa đạo,  
 Thấy đoạn tận hữu biên<sup>44</sup>;  
 Diễn nói về Chánh pháp,  
 An ủi chúng sanh khổ.  
 Chư Thế Tôn quá khứ,  
 Nương đạo này vượt qua;  
 Chư Thế Tôn vị lai,  
 Cũng nương đạo này qua.  
 Đấng Chánh Giác hiện tại,  
 Nương đây qua biển cả,  
 Rốt ráo mé sanh tử,  
 Điều phục tâm thanh tịnh.  
 Đối sanh tử lưu chuyển,  
 Đều đã dứt hết hẳn.  
 Biết tất cả cảnh giới,  
 Tuệ nhãn tỏ Chánh đạo.  
 Thí như nước sông Hằng,  
 Đều chảy về biển lớn;  
 Dòng nước siết trôi xa,  
 Chánh đạo cũng như vậy.  
 Trí rộng khéo hiển bày,  
 Mau được pháp cam lộ;  
 Xe Chánh pháp thù thắng,  
 Vốn chửa từng được nghe.  
 Vì thương xót chúng sanh,  
 Nên chuyển vì chúng sanh;  
 Che chở chúng trời, người,  
 Khiến đưa qua bờ kia.  
 Cho nên các chúng sanh,  
 Đều cúi đầu đánh lễ.

Sau khi Phạm thiên vương nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

## M

<sup>44</sup>. Hán: kiến sanh chư hữu biên 見生諸有邊. *Chư*, nên đọc là *tận*. Pāḷi: jaṭtikhayantadassī, thấy sự sanh được đoạn tận.

## KINH 1190. PHẠM CHÚA<sup>45</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiên, tại tụ lạc Uất-bê-la<sup>46</sup>, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chúa của thế giới Ta-bà<sup>47</sup>, với sắc thân tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Ở trong các chủng tánh,  
Lưỡng túc tôn Sát-lợi<sup>48</sup>;  
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,  
Tối thắng trong loài người.*

Phật đáp:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

*Ở trong các chủng tánh,  
Lưỡng túc tôn Sát-lợi;  
Bậc Minh Hạnh đầy đủ,  
Tối thắng trong loài người.*

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất.

## M

## KINH 1191. KHÔNG NHÂN XỨ<sup>49</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian,

---

<sup>45</sup>. Paøli, S.6.11. Sanaökuṃaṃra. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100 (103).

<sup>46</sup>. Bản Paøli: Raøjagahe viharati Sappinitire, trú tại Vương xá, bên bờ sông Sappini.

<sup>47</sup>. Paøli: Brahmaṃ sanaökuṃaṃro, vị Phạm thiên thường xuyên dưới dạng hài đồng, thường đồng hình Phạm thiên.

<sup>48</sup>. Paøli: khattiyö seææho janetasmiö, ye gottapaææisaerino, những ai tin vào chủng tộc, thì Sát-lợi là tối tôn.

<sup>49</sup>. Paøli, S.6.13. Andhakavinda. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(104).

dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc<sup>50</sup>, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận A-lan-nhã.

Khi ấy Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà tự nghĩ rằng: “Hôm nay Thế Tôn đang ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian và dừng nghỉ nơi thanh vắng không có tụ lạc, cùng với các Tỳ-kheo nghỉ đêm tại nơi hoang vắng đó. Bấy giờ, Thế Tôn đã vì đại chúng nói pháp tùy thuận không<sup>51</sup>. Bấy giờ, ta nên đến tùy thuận mà tán thán.” Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, mà nói kệ:

*Quen chỗ ngồi biên địa<sup>52</sup>,  
Đoạn trừ các phiền não;  
Nếu không thích rừng vắng,  
Nhập chúng, hãy phòng hộ.  
Tự điều phục tâm mình,  
Đi xin ăn từng nhà;  
Nên giữ gìn các căn,  
Chuyên tinh nhiếp tâm niệm.  
Sau tập quen rừng vắng,  
Ngồi nơi a-luyện-nhã;  
Xa lìa các sợ hãi,  
Trụ an ổn không sợ.  
Nếu có các hung hiểm,  
Rắn dũa, mọi độc hại;  
Mây đen, lấm tối tâm,  
Sấm sét lóe sáng người;  
Thì nhờ lìa phiền não,  
Nên ngày đêm an ổn.*

<sup>50</sup>. Bản Pāḷi: Maṅgadesu viharati Andhakavinde, sống giữa những người Ma-kiệt-đà, trong làng Andhakavinda.

<sup>51</sup>. Tùy thuận không *‘Aṅṅa’*. Trên kia, Hán dịch là “tùy thuận a-luyện-nhã *‘Aṅṅa’* ≈ ½m □Ṭ”.

<sup>52</sup>. Pāḷi: sevetha pantaṇi senaṣṣanaṇi, các ông hãy sống nơi biên địa.

*Như pháp con đã nghe,  
Cho đến không cứu cánh.  
Một mình, tu phạm hạnh,  
Không sợ ngàn ma chết.  
Nếu tu hành giác đạo,  
Cả vạn chẳng sợ chi.  
Tất cả Tu-đà-hoàn,  
Hoặc đấng Tư-đà-hàm;  
Cùng với A-na-hàm,  
Số này cũng vô lượng.  
Không thể tính số được,  
Sợ người bảo: nói dối.*

Sau khi Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ Phật rồi biến mất.

## M

### KINH 1192. TẬP HỘI<sup>53</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la-vệ, ở Ca-tỳ-la-vệ<sup>54</sup>, cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, sạch hết phiền não, việc làm đã xong, lia các gánh nặng, đã được lợi mình, hết mọi hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng nói pháp tương ứng Niết-bàn. Khi ấy có đại chúng chư Thiên oai lực từ mười phương thế giới, đều đến câu hội, cúng dường Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở tại Phạm thế tự nghĩ rằng: “Hôm nay Phật đang trú tại Ca-tỳ-la-vệ, ... nói đầy đủ như trên, cho đến cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bấy giờ, chúng ta nên đến đó tán thán.” Nghĩ vậy rồi, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời và hiện đứng trước Phật.

<sup>53</sup>. Paøli, S.1.37. Samaya. Biệt dịch, N<sup>0</sup>100(105).

<sup>54</sup>. Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm 迦毘羅衛迦毘羅衛林 . Paøli: Kapilavattusmiö Mahaovane, trong rừng Đại lâm, ở Kapilavatthu.

Phạm thiên thứ nhất nói kệ:

*Ở trong rừng lớn này,  
Đại chúng đều vân tập;  
Chúng chư Thiên mười phương,  
Tất cả đến cung kính.  
Từ xa con đến lễ,  
Tặng nan phục, tối thắng<sup>55</sup>.*

Phạm thiên thứ hai lại nói kệ:

*Chư Tỳ-kheo Tăng này,  
Tinh tấn, tâm chân thật;  
Ở trong rừng lớn này,  
Cầu độ, nhiếp các căn.*

Phạm thiên thứ ba nói kệ tiếp:

*Khéo phương tiện tiêu dung  
Ân ái sâu, gai nhọn;  
Kiên cố không dao động,  
Như phước Nhân-đà-la<sup>56</sup>.  
Vượt dòng nước hào sâu,  
Thanh tịnh không cầu dục;  
Đấng Đại Sư khéo độ  
Các Rồng chúa đã thuần.*

Phạm thiên thứ tư nói kệ tiếp:

*Ai quy y nơi Phật,  
Quyết không đọa đường ác;  
Đã dứt thân làm người,  
Được thân trời thọ lạc.*

Mỗi vị nói kệ xong, bốn Phạm thiên liền biến mất.

## M

<sup>55</sup>. Paḷi: aparajjitasāgham, Tăng-già không thể bị đánh bại.

<sup>56</sup>. Nhân-đà-la tràng 因陀羅幢. Cây phước của Đế Thích.

## KINH 1193. CÙ-CA-LÊ<sup>57</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, hằng ngày tinh cần đến chỗ Phật tôn kính cúng dường. Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà nghĩ: “Sáng nay đến gặp Thế Tôn quá sớm. Chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định. Ta hãy đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê<sup>58</sup>, bạn đồng của Đề-bà-đạt-đa.” Nghĩ rồi, liền đến trước phòng Cù-ca-lê gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê, nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Người chớ để chịu khổ lâu dài, không lợi ích.”

Cù-ca-lê nói:

“Ông là ai?”

Phạm thiên đáp:

“Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.”

Cù-lê-ca nói:

“Thế Tôn không thọ ký cho ông đấng A-na-hàm phải không?”

Phạm thiên vương nói:

“Đúng vậy, Tỳ-kheo!”

Cù-lê-ca nói:

“Cớ gì ông đến đây?”

Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghĩ: “Người này, không thể trị”, liền nói kệ:

*Ở nơi bậc Vô lượng,  
Sanh lòng muốn ước lượng:  
Có người trí tuệ nào,  
Lại sanh giác tưởng này?  
Muốn lường bậc khôn lường:  
Phàm phu bị che tối.<sup>59</sup>*

<sup>57</sup>. Paṭi, S.6. 7-9. Kokaḷlika. Biệt dịch, N<sup>0</sup>100(106); N<sup>0</sup>101(5).

<sup>58</sup>. Cù-ca-lê 瞿迦梨. Paṭi: Kokaḷlika.

<sup>59</sup>. S. 6.7.

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hằng ngày con thường siêng đến chỗ Phật gần gũi cúng dường. Con nghĩ rằng sáng nay đến gặp Thế Tôn còn quá sớm, chắc Thế Tôn còn đang nhập đại định, con bèn đến phòng Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạn đồng của ĐỀ-bà-đạt-đa, liền đứng trước phòng từ từ gõ cửa và nói rằng:

“Cù-ca-lê! Cù-ca-lê! Nên khởi lòng tin thanh tịnh nơi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là người trí tuệ, hiền thiện. Người chớ chịu khổ lâu dài, không lợi ích. Cù-ca-lê nói: ‘Ông là ai?’ Con liền đáp: ‘Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà.’ Cù-lê-ca nói: ‘Thế Tôn không thọ ký cho ông đấng A-na-hàm phải không?’ Con liền đáp: ‘Đúng vậy! Cù-ca-lê.’ Lại nói: ‘Cớ gì ông đến đây?’ Con tự nghĩ: ‘Người này, không thể trị’, liền nói kệ:

*Ở nơi không thể lường,  
Muốn sanh lòng tính toán;  
Dem vô lượng, muốn lường,  
Là che lấp phàm phu.*

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Phạm thiên.”

*Ở chỗ không thể lường,  
Muốn khởi tâm suy lường;  
Có người trí tuệ nào,  
Mà sanh vọng tưởng này.  
Không thể lường, muốn lường,  
Là che lấp phàm phu.”*

Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, rồi biến mất.

## KINH 1194. PHẠM THIÊN (2)<sup>60</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương và các Biệt Phạm thiên<sup>61</sup> khác cùng với Thiện Tí biệt Phạm thiên<sup>62</sup>, hằng ngày dùng phương tiện đến gặp và cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Bà-cú Phạm thiên<sup>63</sup> thấy Biệt Phạm thiên và Thiện Tí Phạm thiên tinh cần phương tiện như vậy bèn hỏi:

“Các ông muốn gì?”

Họ liền đáp:

“Muốn gặp Thế Tôn cung kính cúng dường.”

Lúc ấy, Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ:

*Kia bốn loại ngỗng trời<sup>64</sup>,  
Ba cung điện sắc vàng<sup>65</sup>;  
Năm trăm bảy mươi hai,  
Người tu hành thiên tư.  
Thân sắc vàng rực rỡ<sup>66</sup>,  
Chiếu khắp cung Phạm thiên;  
Ông hãy nhìn thân ta,  
Cần đến đó làm gì?*

Khi ấy, Thiên Phạm vương, Biệt Phạm vương và Thiện Tí biệt Phạm vương lại nói kệ:

---

<sup>60</sup>. Paḷi, S. 6.6. Pamaḍa. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(107).

<sup>61</sup>. Biệt Phạm thiên 別梵天. Paḷi: Pacceka-Brahmaḥ. Không thấy các tài liệu giải thích. Có thể chỉ những Phạm thiên độc lập, không có Thiên chúng.

<sup>62</sup>. Thiện Tí biệt Phạm thiên 善臂別梵天. Paḷi, đề cập hai vị: Subrahmaḥ và Suddhavaḥsa.

<sup>63</sup>. Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天. Paḷi: Bako Brahmaḥ.

<sup>64</sup>. Hán: học diểu 鵠鳥. Paḷi: haḥsa, thiên nga.

<sup>65</sup>. Bản Paḷi: tayo supaḍoḍaḥ, ba trăm chim cánh vàng (*Kim xí điểu*).

<sup>66</sup>. Paḷi: vyagghinisaḥ paḥcasataḥ ca jhaḥyino, sáng rực với 500 hổ cái? Bản Hán hiểu jhaḥyino: các hành giả Thiên, thay vì là (*các cung điện*) sáng rực.



*Tuy có thân sắc vàng,  
Chiếu khắp cung Phạm thiên;  
Vị có trí tuệ này,  
Biết sắc có phiền não.  
Người trí không đắm sắc,  
Nên tâm được giải thoát.*

Bấy giờ, Thiện Phạm thiên<sup>67</sup>, Biệt Phạm thiên, Thiện Tí biệt Phạm thiên đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chúng con phương tiện muốn đến gặp Thế Tôn, cung kính cúng dường, có Bà-cú Phạm thiên thấy chúng con phương tiện như vậy nên đến hỏi chúng con rằng: ‘Hôm nay quý vị muốn phương tiện đi đâu?’ Chúng con liền đáp, ‘Muốn đến gặp Thế Tôn, lễ bái cúng dường.’ Bà-cú Phạm thiên liền nói kệ:

*Kia bốn loại ngỗng trời<sup>68</sup>  
Ba cung điện sắc vàng;  
Năm trăm, bảy mươi hai<sup>69</sup>,  
Người tu hành thiên tư.  
Thân sắc vàng rực rỡ,  
Chiếu khắp cung Phạm thiên;  
Ông hãy nhìn thân ta,  
Cần đến đó làm gì?*

Chúng con nói kệ đáp lại:

*Tuy có thân sắc vàng,  
Chiếu khắp cung Phạm thiên;  
Vị có trí tuệ này,  
Biết sắc có phiền não.  
Người trí không đắm sắc,  
Nên tâm được giải thoát.*

<sup>67</sup>. Thiện Phạm thiên 善梵天 . Paḷi: Subraḥmaḥ, một trong hai vị Pacceka-Brahmaḥ mà bản Hán trên kia không nhắc.

<sup>68</sup>. Xem cht.64, kinh 1194.

<sup>69</sup>. Về “bảy mươi hai”, xem cht.75 kinh 1195.

Phật bảo Phạm thiên:

“Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên!

*Tuy có thân sắc vàng,  
Chiếu khắp cung Phạm thiên;  
Nên biết sắc vàng rỗng,  
Đó là tướng phiền não.  
Người trí giải thoát sắc,  
Đối sắc không còn ưa.*

Khi ấy những vị Phạm thiên kia vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa<sup>70</sup> mà nói kệ:

*Người sanh ở thế gian,  
Búa bén ở trong miệng;  
Trở lại chặt thân mình,  
Do những ác ngôn này:  
Điều đáng chê lại khen,  
Điều đáng khen lại chê;  
Ác khẩu tăng thêm lỗi,  
Đời sống không an vui.  
Cờ bạc, rượu tán tài,  
Lỗi này còn quá nhẹ;  
Ác tâm đối Thiện Thệ,  
Đó là tội rất nặng.  
Có trăm ngàn địa ngục,  
Tên Ni-la-phù-đà<sup>71</sup>;  
Ba ngàn sáu trăm ngục,  
Và năm A-phù-đà<sup>72</sup>.  
Chúng là ngục báng Phật,  
Do ác nguyện miệng, ý.*

Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

## M

<sup>70</sup>. Ca-tra-vụ-đà-đê-sa 迦吒務陀低沙.

<sup>71</sup>. Ni-la-phù-đà 尼羅浮<sup>々</sup>. Pāḷi: Nirabbuda.

<sup>72</sup>. A-phù-đà 阿浮陀. Pāḷi: Abbuda.

KINH 1195. BÀ-CÚ PHẠM<sup>73</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ, có Bà-cú Phạm thiên<sup>74</sup> ở trên cõi Phạm thiên khởi ác tà kiến, nói rằng:

“Chỗ này thường hằng, không phải là pháp biến dịch, là nơi thuần nhất, là chỗ xuất ly.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-cú Phạm thiên rồi, nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi thành Vương xá và hiện ra nơi cõi Phạm thiên. Bà-cú Phạm thiên xa thấy Thế Tôn, liền nói kệ:

*Phạm thiên, bảy mươi hai:  
Tạo tác các phước nghiệp<sup>75</sup>;  
Tự tại mà thường trụ,  
Đã khởi sanh, già, chết.  
Tôi đối các Minh luận<sup>76</sup>,  
Đã tu tập rất ráo.  
Trong hàng chư Thiên kia,  
Chỉ có tôi trường tồn.*

Bấy giờ, Phật nói kệ đáp:

*Đời sống này rất ngắn,  
Không phải là trường tồn;  
Mà Bà-cú Phạm thiên,  
Tự bảo là sống lâu.*

<sup>73</sup>. Paøli, S. 6.4. Bako-Brahmaø. Biệt dịch, 100 (108).

<sup>74</sup>. Xem cht.63, kinh 1194.

<sup>75</sup>. Hán: Phạm thiên thất thập nhị, tạo tác chư phước nghiệp 梵天七十二造作諸福業; văn cú đảo. Nên hiểu: “Các Phạm thiên đã tạo ra bảy mươi hai loại phước nghiệp”. Tham chiếu Paøli: dvaøsaññatti Gotma puóakammaø, vasavattino jaøtjaraø atitaø, “bằng bảy mươi hai phước nghiệp, chúng tôi có quyền uy siêu việt già và chết”.

<sup>76</sup>. Minh luận 明論. Paøli: Vedaguø, người thông thạo các Veda.

*Ngục Ni-la-phù-đa,  
Tuổi thọ trăm ngàn năm;  
Ta đều nhớ biết cả,  
Ông tự bảo trường tồn.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Chỗ thấy Phật, Thế Tôn,  
Số kiếp không bến bờ.  
Sanh, già, chết, ưu, bi,  
Tất cả là quá khứ.  
Xin nói cho tôi biết,  
Quá khứ đã từng qua:  
Thọ trì giới nghiệp gì,  
Mà được sanh ở đây?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kiếp quá khứ lâu xa,  
Giữa vùng đại hoang mạc,  
Có các chúng tu hành,  
Nhiều phạm hạnh Hiền thánh.  
Đói thiếu, không đủ ăn,  
Ông đến cứu giúp họ.  
Tâm từ giúp liên tục,  
Trải nhiều kiếp không mất.  
Đó là quá khứ ông,  
Công đức được thọ trì.  
Ta đều nhớ biết cả,  
Xa, gần, như ngủ thức.  
Quá khứ có thôn ấp,  
Bị bọn giặc cướp bóc;  
Khi ấy ông đến cứu,  
Khiến họ được cứu thoát.  
Đó là thời quá khứ,  
Phước nghiệp được thọ trì.  
Ta nhớ nhân duyên này,  
Xa, gần, như ngủ thức.*

*Quá khứ có nhiều người,  
Đi thuyền trên sông Hằng;  
Ác long giữ thuyền kia,  
Muốn hại hết mạng người.  
Thời ông dùng thần lực,  
Cứu họ được giải thoát.  
Đó là quá khứ ông,  
Phước nghiệp được thọ trì.  
Ta nhớ nhân duyên này,  
Xa, gần, như ngủ thức.*

Bà-cú Phạm thiên lại nói kệ:

*Quyết định đã biết tôi,  
Việc thọ mạng xưa nay;  
Cũng biết hết tất cả,  
Đây là Đấng Chánh Giác.  
Cho nên được thọ thân,  
Ánh vàng chiếu rọi khắp;  
Thân Ngài đứng ở đây,  
Sáng khắp cả thế gian.*

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bà-cú Phạm thiên khai thị, chỉ giáo, soi sáng, là cho vui mừng xong. Ngài nhập chánh thọ như vậy biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về thành Vương xá.

## M

### KINH 1196. TÀ KIẾN<sup>77</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi tà kiến nói như vậy:

“Cõi này thường hằng không biến dịch, thuần nhất, xuất ly. Chưa từng thấy có ai đến cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này.”

<sup>77</sup>. Paøli, S. 6.5. Aparas diææhi. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(109).

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những sở niệm trong tâm của Phạm thiên này, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện nơi cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết già, chánh thân buộc niệm ở giữa hư không, ngay trên đỉnh Phạm thiên kia.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Câu-lân nghĩ thầm: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên; ngồi kiết già ngay thẳng, buộc niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Tây, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Bắc, hướng đến Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn đang ở chỗ nào?” Bèn dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người, nhìn thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, liền nhập tam-muội, chánh thọ như vậy, biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ngay thẳng, nhất tâm nhiếp niệm ngay dưới tòa Phật và trên tòa Phạm thiên, quay mặt về hướng Nam, hướng đến Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Phạm thiên:

“Nay ông lại khởi kiến giải rằng: ‘Từ xưa đến nay chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi Ta’ phải không?”

Phạm thiên bạch Phật:

“Hôm nay con không còn dám nói rằng: ‘Ta chưa từng thấy có người nào vượt qua khỏi ta.’ Mà chỉ thấy ánh sáng Phạm thiên bị ngăn che.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui vẻ rồi, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Các Tôn giả A-nhã Câu-lân, Ma-ha Ca-diếp, Xá-lợi-phất cũng vì Phạm

thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Chỉ có Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn còn ở lại đó. Lúc này, Phạm thiên kia hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có đại đức đại lực như vậy không?”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói kệ:

*Đại đức đủ ba minh,  
Thông đạt biết tâm người;  
Các La-hán lậu tận,  
Số ấy không thể lường.*

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì Phạm thiên kia thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui mừng xong, liền nhập tam-muội, với chánh thọ như vậy, biến khỏi cõi Phạm thiên và trở về nước Xá-vệ.

## M

### KINH 1197. NHẬP DIỆT<sup>78</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong rừng Song thọ kiên cố<sup>79</sup>, sanh địa của lực sĩ, tại nước Câu-thi-na-kiệt. Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Bát-niết-bàn, bảo Tôn giả A-nan rằng:

“Ông hãy trải giường dây xoay đầu hướng Bắc giữa Song thọ kiên cố. Nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn.”

Lúc này, Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, ở giữa Song thọ kiên cố vì Thế Tôn mà trải giường dây, xoay đầu về hướng Bắc rồi, trở lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã vì Như Lai, trải giường dây ở giữa Song thọ kiên cố xoay đầu về hướng Bắc.”

<sup>78</sup>. Paṭṭi, S. 6.15. Parinibbaṇa. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(110).

<sup>79</sup>. Song thọ kiên cố lâm 堅固雙樹林. Paṭṭi: Yamaka-saḍḍa, cụm cây saḍḍa mọc đôi. Bản Hán đọc là sara (kiên cố).

Bấy giờ, Thế Tôn đến giường dây, hông phải nghiêng xuống đất, đầu xoay về hướng Bắc, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm vào tướng ánh sáng. Bấy giờ là giữa đêm, Thế Tôn ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Sau khi Phật Bát-niết-bàn rồi, rừng cây Song thọ liền trở hoa, rơi xuống chung quanh cúng dường Thế Tôn. Khi ấy có Tỳ-kheo nói kệ:

*Đẹp thay, cây Kiên cố,  
Rũ cành nhánh lễ Phật;  
Cúng dường hoa vi diệu,  
Đại Sư Bát-niết-bàn.*

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bồng nói kệ:

*Tất cả hành vô thường,  
Chúng là pháp sanh diệt;  
Tuy sanh liền đến diệt,  
Tịch diệt này an lạc.*

Lúc ấy, Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, lại nói kệ:

*Mọi sanh vật ở đời,  
Đã lập đều phải bỏ.  
Thánh Đại Sư như vậy,  
Thế gian không ai bằng.  
Được thân lực Như Lai,  
Làm mất cho thế gian;  
Cuối cùng cũng hoại diệt,  
Nhập Vô dư Niết-bàn.*

Tôn giả A-na-luật-đà lại nói kệ tiếp:

*Thở ra, vào: đình trú,  
Lập tâm khéo nhiếp hộ;  
Từ sở y mà đến,  
Thế gian Bát-niết-bàn.  
Sanh tướng sợ hãi lớn,  
Khiến lông thân người dựng;  
Đủ tất cả hành lực,  
Đại Sư Bát-niết-bàn.*



*Tâm kia không giải đãi,  
Cũng không vương các ái;  
Tâm pháp dần giải thoát,  
Như củi hết, lửa tắt.*

Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến chỗ Chi-đề<sup>80</sup> nói kệ:

*Thân báu này, Đại Sư,  
Lên đến cõi Phạm thiên;  
Thần lực lớn như vậy,  
Nội hỏa lại đốt thân.  
Năm trăm lụa quấn thân,  
Đốt cháy tiêu rụi hết.  
Một ngàn tấm y mịn,  
Y quấn thân Như Lai.  
Chỉ hai tấm không cháy,  
Tối thượng và sắc thân<sup>81</sup>.*

Khi Tôn giả A-nan nói kệ này rồi, thì các Tỳ-kheo im lặng thương nhớ.



<sup>80</sup>. Chi-đề 枝提. Paøli: cetiya, tháp miếu.

<sup>81</sup>. Chỉ y Uất-đa-la-tăng và áo lót.

## MỤC LỤC

số 99 – tập a-hàm (ii) **Erreur ! Signet non đfined.**

tập a-hàm quyển 16 **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 407. Tư duy (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 408. Tư duy (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 409. Giác (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 410. Giác (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 411. Luận thuyết **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 412. Tranh **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 413. Vương lực **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 414. Túc mạng **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 415. Đàn-việt **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 416. Thọ trì (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 417. Như như **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 418. Thọ trì (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 419. Nghi (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 420. Nghi (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 421. Thâm hiểm **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 422. Đại nhiệt **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 423. Đại ám **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 424. Minh ám (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 425. Minh ám (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 426. Minh ám (3) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 427. Thánh đế **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 428. Thiển tư **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 429. Tam-ma-đê **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 430. Trượng (1) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 431. Trượng (2) **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 432. Ngũ tiết luân **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 433. Tăng thượng thuyết pháp **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 434. Hiệt tuệ **Erreur ! Signet non đfined.**

Kinh 435. Tu-đạt **Erreur ! Signet non đfined.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 436. Điện đường (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 437. Điện đường (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 438. Chúng sanh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 439. Tuyết sơn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 440. Hồ trì đẳng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 441. Thổ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 442. Trảo giáp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 443. Tứ Thánh đế dĩ sanh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 444. Nhân được hoàn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 445. Bĩ tâm **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 446. Kệ (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 447. Hành **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 448. Kệ (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 449. Giới hòa hợp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 450. Tinh tấn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 451. Giới **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 452. Xúc (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 453. Xúc (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 454. Tưởng (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 455. Tưởng (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 17 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 456. Chánh thọ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 457. Thuyết **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 458. Nhân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 359. Tự tác **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 460. Cù-sư-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 461. Tam giới (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 462. Tam giới (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 463. Tam giới (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 464. Đồng pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 465. Trước sử **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 466. Xúc nhân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 467. Kiểm thích **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 468. Tam thọ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 469. Thâm hiểm **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 470. Tiễn **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 471. Hư không **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 472. Khách xá **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 473. Thiên **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 474. Chỉ tức **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 475. Tiên trí **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 476. Thiên tư **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 477. A-nan sở vấn **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 478. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 479. Giải thoát **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 480. Sa-môn Bà-la-môn **Erreur ! Signet non đfined.**
- kinh 481. Nhất-xa-năng-già-la **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 482. Hỷ lạc **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 483. Vô thực lạc **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 484. Bạt-đà-la **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 485. Ưu-đà-di **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 486. Nhất pháp (1) **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 488. Nhất pháp (2) **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 489. Nhất pháp (3) **Erreur ! Signet non đfined.**
- tạp a-hàm quyển 18 **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 490. Diêm-phù-xa **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 491. Sa-môn xuất gia sở vấn **Erreur ! Signet non đfined.**
- non đfined.**
- Kinh 492. Nê thủy **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 493. Thừa thuyền nghịch lưu **Erreur ! Signet non đfined.**
- non đfined.**
- Kinh 494. Khô thọ **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 495. Giới **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 496. Tránh **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 497. Cử tội **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 498. Na-la-kiền-đà **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 499. Thạch trụ **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 500. Tịnh khẩu **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 501. Thánh mặc nhiên **Erreur ! Signet non đfined.**
- Kinh 502. Vô minh **Erreur ! Signet non đfined.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 503. Tịch diệt      **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 19 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 504. Xan cấu      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 505. Ái tận **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 506. Đế Thích      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 507. Chư Thiên      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 508. Đồ ngũ nhi **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 509. Đồ ngũ giả **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 510. Đồ dương giả **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 511. Đồ dương đệ tử      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 512. Đọa thai      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 513. Điều tương sĩ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 514. Hiếu chiến      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 515. Liệp sư **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 516. Sát trư **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 517. Đoạn nhân đầu      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 518. Đoàn đồng nhân      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 519. Bỏ ngư sư      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 520. Bốc chiêm nữ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 521. Bốc chiêm sư **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 522. Háo tha dâm **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 523. Mại sắc      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 524. Sân nhuế đấng du sái **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 525. Tắng tậ Bà-la-môn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 526. Bất phân du      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 527. Đạo thủ thất quả      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 528. Đạo thực thạch mật **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 529. Đạo thủ nhị bính      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 530. Tỳ-kheo      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 531. Giá thừa ngư xa      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 532. Ma-ma-đế      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 533. Ác khẩu hình danh      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 534. Hảo khởi tranh tụng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 535. Độc nhất (1)      **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 536. Độc nhất (2)      **Erreur ! Signet non défini.**

tạp a-hàm quyển 20 **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 537. Thủ thành dục trì **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 538. Mục-liên sở vấn **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 539. A-nan sở vấn **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 540. Sở hoạn (1) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 541. Sở hoạn (2) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 542. Hữu học lậu tận **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 543. A-la-hán Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 544. Hà cố xuất gia **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 545. Hưởng Niết-bàn **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 546. Tháo quán trượng **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 547. Túc sĩ **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 548. Ma-thâu-la **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 549. Ca-lê **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 550. Ly **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 551. Ha-lê (1) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 552. Ha-lê (2) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 553. Ha-lê (3) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 554. Ha-lê (4) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 555. Ha-lê (5) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 556. Vô tướng tâm tam-muội **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 557. Xà-tri-la **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 558. A-nan **Erreur ! Signet non défini.**

tạp a-hàm quyển 21 **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 559. Ca-ma **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 560. Độ lượng **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 561. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 562. Cù-sư **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 563. Ni-kiền **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 564. Tỳ-kheo-ni **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 565. Bà-đầu **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 566. Na-già-đạt-đa (1) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 567. Na-già-đạt-đa (2) **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 568. Già-ma **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 569. Lê-tê-đạt-đa (1) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 570. Lê-tê-đạt-đa (2) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 571. Ma-ha-ca Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 572. Hệ Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 573. A-kỳ-tỳ-ca Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 574. Ni-kiền Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 575. Bệnh tướng Erreur ! Signet non défini.  
tập a-hàm quyển 22 Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 576. Nan-đà lâm Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 577. Câu tảo Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 578. Tàm quý Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 579. Bất tập cận Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 580. Thiện điều Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 581. La-hán (1) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 582. La-hán (2) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 583. Nguyệt Thiên tử Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 584. Tộc bản Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 585. Độc nhất trụ Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 586. Lợi kiếm Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 587. Thiên nữ Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 588. Tứ luân Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 589. Đại phú Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 590. Giác thụy miên Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 591. Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 592. Tu-đạt Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 593. Cấp Cô Độc Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 594. Thủ Thiên tử Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 595. Đào sư Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 596. Thiên tử (1) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 597. Thiên tử (2) Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 598. Thụy miên Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 599. Kết triền Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 600. Nan độ Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 601. Tiểu lưu Erreur ! Signet non défini.  
Kinh 602. Lộc bác Erreur ! Signet non défini.

Kinh 603. Chư lưu **Erreur ! Signet non đfni.**  
tạp a-hàm quyển 23 **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 604. A-dục vương nhân duyên **Erreur ! Signet non đfni.**

TẬP A HÀM Quyển 24 **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 605. Niệm xứ (1) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 606. Niệm xứ (2) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 607. Tịnh **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 608. Cam lộ **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 609. Tập **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 610. Chánh niệm **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 611. Thiệt tụ **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 612. Cung **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 613. Bất thiện tụ **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 614. Đại trượng phu **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 615. Tỳ-kheo-ni **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 616. Trù sĩ **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 617. Điều **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 618. Tứ quả **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 619. Tư-đà-già **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 620. Di hầu **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 621. Niên thiếu tỳ-kheo **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 622. Am-la nữ **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 623. Thế gian **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 624. Uất-đề-ca **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 625. Bà-hê-ca **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 626. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 627. A-na-luật **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 628. Giới **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 629. Bất thoái chuyển **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 630. Thanh tịnh **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 631. Độ bỉ ngạn **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 632. A-la-hán **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 633. Nhất thiết pháp **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 634. Hiền thánh **Erreur ! Signet non đfni.**



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 635. Quang trạch **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 636. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 637. Ba-la-đề-mộc-xoa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 638. Thuần-đà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 639. Bối-tát **Erreur ! Signet non défini.**  
TẬP A HÀM Quyển 25 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 640. Pháp diệt tận tướng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 641. A-dục vương thí bán a-ma-lặc quả nhân duyên  
kinh **Erreur ! Signet non défini.**  
TẬP A HÀM Quyển 26 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 642. Tri **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 643. Tịnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 644. Tu-đà-hoàn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 645. A-la-hán **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 646. Đương tri **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 647. Phân biệt **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 648. Lược thuyết **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 649. Lậu tận **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 650. Sa-môn Bà-la-môn (1) **Erreur ! Signet non défini.** **Signet**  
Kinh 651. Sa-môn Bà-la-môn (2) **Erreur ! Signet non défini.** **Signet**  
Kinh 652. Hưởng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 653. Quảng thuyết **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 654. Tuệ căn (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 655. Tuệ căn (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 656. Tuệ căn (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 657. Tuệ căn (4) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 658. Tuệ căn (5) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 659. Tuệ căn (6) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 660. Khổ đoạn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 661. Nhị lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 662. Nhị lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 663. Nhị lực (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 664. Tam lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 665. Tam lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 666. Tam lực (3) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 667. Tứ lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 668. Tứ nhiếp sự **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 669. Nhiếp **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 670. Tứ lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 671. Tứ lực (3) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 672. Tứ lực (4) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 673. Ngũ lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 674. Ngũ lực đương thành tựu **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 675. Đương tri ngũ lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 676. Đương học ngũ lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 677. Ngũ học lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 678. Đương thành học lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 679. Quảng thuyết học lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 680. Đương thành học lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 681. Bạch pháp (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 682. Bạch pháp (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 683. Bất thiện pháp **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 684. Thập lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 685. Nhũ mẫu **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 686. Sư tử hống (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 687. Sư tử hống (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 688. Thất lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 689. Đương thành thất lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 690. Thất lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 691. Quảng thuyết thất lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 692. Bát lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 693. Quảng thuyết bát lực **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 694. Xá-lợi-phất vấn **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 695. Dị Tỳ-kheo vấn **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 696. Vấn chư Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 697. Cửu lực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 698. Quảng thuyết cửu lực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 699. Thập lực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 700. Quảng thuyết thập lực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 701. Như Lai lực (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 702. Như Lai lực (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 703. Như Lai lực (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 704. Bất chánh tư duy **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 705. Bất thoái **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 706. Cái **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 707. Chướng cái **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 708. Thọ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 709. Thất giác chi **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 710. Thính pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 711. Vô Úy (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
TẬP A HÀM Quyển 27 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 712. Vô úy (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 713. Chuyển thú **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 714. Hỏa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 715. Thực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 716. Pháp (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 717. Pháp (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 718. Xá-lợi-phất **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 719. Ưu-ba-ma **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 720. A-na-luật **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 721. Chuyển luân vương (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 722. Chuyển luân (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 723. Niên thiếu **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 724. Quả báo phụng sự **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 725. Bất thiện tụ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 726. Thiện tri thức **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 727. Câu-di-na **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 728. Thuyết **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 729. Diệt **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 730. Phân **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 731. Chi tiết **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 732. Khởi **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 733. Thất đạo phẩm (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 734. Quả báo (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 735. Quả báo (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 736. Thất chủng quả **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 737. Thất đạo phẩm(2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 738. Quả báo (3) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 739. Quả báo (4) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 740. Quả báo (5) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 741. Bất tịnh quán **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 742. Niệm tử tướng **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 743. Từ (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 744. Từ (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 745. Không **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 746. An-na-ban-na niệm (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 747. Vô thường **Erreur ! Signet non défini.**
- TẬP A HÀM Quyển 28 **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 748. Nhật xuất **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 749. Vô minh (1) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 750. Vô minh (2) **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 751. Khởi **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 752. Ca-ma **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 753. A-lê-sát-tra **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 754. Xá-lợi-phất **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 755–757. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 758. Úy **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 759. Thọ **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 760. Tam pháp **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 761. Học **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 762. Lậu tận **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 763. Tám Thánh đạo phần **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 764. Tu (1) **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 765. Tu (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 766. Thanh tịnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 767. Tụ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 768. Bán **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 769. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 770. Tà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 771. Bỉ ngạn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 772–774 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 775. Chánh bất chánh tư duy (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 776. Chánh bất chánh tư duy (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 777. Chánh bất chánh tư duy (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 778. Thiện ác tri thức (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 779. Thiện tri thức **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 780. Thiện ác tri thức (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 781. Chánh bất chánh tư duy (4) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 782. Phi pháp thị pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 783. Đoạn tham **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 784. Tà chánh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 785. Quảng thuyết bát Thánh đạo **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 786. Hưởng tà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 787. Tà kiến chánh kiến (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 788. Tà kiến chánh kiến (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 789. Sanh văn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 790. Tà kiến (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 791. Tà kiến (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 792. Tà kiến (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 793. Thuận lưu nghịch lưu **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 794. Sa-môn sa-môn pháp **Erreur ! Signet non défini.**

Kinh 795. Sa-môn pháp sa-môn nghĩa **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 796. Sa-môn sa-môn quả **Erreur ! Signet non đfni.**

TẬP A HÀM Quyển 29 **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 797. Sa-môn pháp sa-môn quả **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 798. Sa-môn pháp sa-môn nghĩa **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 799. Sa-môn quả **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 800. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 801. Ngũ pháp **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 802. An-na-ban-na niệ m (2) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 803. An-na-ban-na niệ m (3) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 804. Đoạn giác tưởng **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 805. A-lê-sắt-tra **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 806. Kế-tân-na **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 807. Nhất-xa-năng-già-la **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 808. Ca-ma **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 809. Kim cương **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 810. A-nan **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 811-812. Tỳ-kheo **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 813. Kim-tỳ-la **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 814. Bất bì **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 815. BỐ-tát **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 816. Học (1) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 817. Học (2) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 818. Học (3) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 819. Học (4) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 820. Học (5) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 821. Học (6) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 822. Niết-bàn (1) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 823. Niết-bàn (2) **Erreur ! Signet non đfni.**

Kinh 824. Học (6) **Erreur ! Signet non đfni.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 825. Học (7) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 826. Học (8) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 827. Canh ma **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 828. Lô **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 829. Bạt-kỳ tử **Erreur ! Signet non défini.**  
TẬP A HÀM Quyển 30 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 830. Bãng-già-xà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 831. Giới **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 832. Học **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 833. Ly-xa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 834. Bất bản **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 835. Chuyển luân vương **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 836. Tứ bất hoại tịnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 837. Quá hoạn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 838. Thực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 839. Giới (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 840. Giới (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 841. Nhuận trạch **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 842. Bà-la-môn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 843. Xá-lợi-phất (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 844. Xá-lợi-phất (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 845. Khủng bố (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 846. Khủng bố (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 847. Thiên đạo (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 948. Thiên đạo (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 849. Thiên đạo (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 850. Thiên đạo (4) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 851. Pháp kính (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 852. Pháp kính (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 853. Pháp kính (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 854. Na-lê-ca **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 855. Nan-đề (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 856. Nan-đề (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 857. Nan-đề (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 858. Nan-đề (4) **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 859. Lê-sư-đạt-đa **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 860. Điền nghiệp **Erreur ! Signet non đfni.**  
 TẬP A HÀM Quyển 31 **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 861. Đâu-suất thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 862. Hóa lạc thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 863. Tha hóa tự tại thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 864. Sơ thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 865. Giải thoát **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 866. Trung Bát-niết-bàn **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 867. Đệ Nhị thiên thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 868. Giải thoát **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 869. Đệ Tam thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 870. Giải thoát **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 871. Phong vân thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 872. Tán cái phú đăng **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 873. Tứ chủng điều phục **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 874. Tam chủng tử **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 875. Tứ chánh đoạn (1) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 876. Tứ chánh đoạn (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 877. Tứ chánh đoạn (3) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 878. Tứ chánh đoạn (4) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 879. Tứ chánh đoạn (5) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 880. Bất phóng dật **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 881. Đoạn tam **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 882. Bất phóng dật căn bản **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 883. Tứ chủng thiên **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 884. Vô học tam minh (1) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 885. Vô học tam minh (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 886. Tam minh **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 887. Tín **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 888. Tăng ích **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 889. Đăng khởi **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 890. Vô vi pháp **Erreur ! Signet non đfni.**  
 Kinh 891. Mao đoạn **Erreur ! Signet non đfni.**



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 892. Lục nội xứ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 893. Ngũ chủng chủng tử **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 894. Như thật tri **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 895. Tam ái **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 896. Tam lậu **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 897. La-hầu-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 898. Nhãn dĩ đoạn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 899. Nhãn sanh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 900. Vị trước **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 901. Thiệן pháp kiến lập **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 902. Như Lai đệ nhất **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 903. Ly tham pháp đệ nhất **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 904. Thanh văn đệ nhất **Erreur ! Signet non défini.**  
**TẬP A HÀM Quyển 32** **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 905. Ngoạ đạo **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 906. Pháp tướng hoại **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 907. Giá-la-châu-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 908. Chiến đấu hoại **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 909. Điều mã **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 910. Hung ác **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 911. Ma-ni Châu Kế **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 912. Vương đảnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 913. Kiệt đàm **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 914. Đạo sư thị (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 915. Đạo sư thị (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 916. Đạo sư thị (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 917. Tam chủng điều mã **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 918. Thuận lương mã **Erreur ! Signet non défini.**  
**TẬP A HÀM Quyển 33** **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 919 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 920. Tam **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 921. Tứ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 922. Tiên ảnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 923. Chỉ-thi **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 924. Hữu quá **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 925. Bát chủng đức **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 926. Sần-đà Ca-chiên-diên **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 927. Ưu-bà-tắc **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 928. Thâm diệu công đức **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 929. Nhất thiết sự **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 930. Tự khủng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 931. Tu tập trụ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 932. Thập nhất **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 933. Thập nhị **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 934. Giải thoát **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 935. Sa-đà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 936. Bách thủ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 937. Huyết **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 938. Lệ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 939. Mẫu nữ **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 34 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 940. Thảo mộc **Erreur ! Signet non défini.**  
kinh 941. thổ hoàn liệt **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 942. An lạc **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 943. Khổ não **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 944. Khủng bố **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 945. Ái niệm **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 946. Hằng hà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 947. Luy cốt **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 948. Thành trì **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 949. Núi **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 950. Quá khứ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 951. Vô hữu nhất xứ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 952. Vô bất nhất xứ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 953. Bong bóng nước mưa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 954. Cơn mưa trút **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 955. Ngũ tiết luân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 956. Tỳ-phú-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 957. Thân mạng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 958. Mục-liên **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 959. Kỳ tai **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 960. Kỳ đặc **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 961. Hữu ngã **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 962. Kiến **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 963. Vô tri **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 964. Xuất gia **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 965. Uất-đê-ca **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 966. Phú-lân-ni **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 967. Câu-ca-na **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 968. Cấp cô độc **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 969. Trường trảo **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 35 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 970. Xá-la-bộ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 971. Thượng tọa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 972. Tam đế **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 973. Chiên-đà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 974. Bồ-lũ-đê-ca (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 975. Bồ-lũ-đê-ca (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 976. Thi-bà (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 977. Thi-bà (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 978. Thương chủ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 979. Tu-bạt-đà-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 980. Niệm Tam bảo **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 981. Cây phướn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 982. A-nan Xá-lợi-phất (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 983. A-nan Xá-lợi-phất (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 984. Ái (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 985. Ái (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 986. Hai sự khó đoạn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 987. Hai pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 988. Đế Thích (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 989. Đế Thích (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 990. Lộc trú (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 991. Lộc trú (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 992. Phước điền **Erreur ! Signet non défini.**

- Tạp a-hàm quyển 36      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 993. Tán thượng tọa      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 994. Bà-kỳ-xá tán Phật      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 995. A-luyện-nhã      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 996. Kiêu mạn      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 997. Công đức tăng trưởng      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 998. Cho gì được sức lớn      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 999. Hoan hỷ      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1000. Viễn du      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1001. Xâm bức      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1002. Đoạn trừ      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1003. Tỉnh ngủ      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1004. Hồ tương hoan hỷ      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1005. Người vật      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1006. Yêu ai hơn con      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1007. Sát-lợi      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1008. Chủng tử      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1009. Tâm      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1010. Phục      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1011. Yếm      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1012. Vô minh      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1013. Tín      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1014. Đệ Nhị      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1015. Trì giới      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1016. Chúng sanh (1)      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1017. Chúng sanh (2)      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1018. Chúng sanh (3)      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1019. Phi đạo      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1020. Vô thượng      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1021. Kệ nhân      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1022. Biết xe      **Erreur ! Signet non défini.**
- TẠP A-HÀM Quyển 37      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1023. Phả-câu-na      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1024. A-thấp-ba-thệ      **Erreur ! Signet non défini.**
- Kinh 1025. Tật bệnh (1)      **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 1026. Tật bệnh (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1027. Tỳ-kheo bệnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1028. Tật bệnh (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1029. Tật bệnh (4) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1030. Cấp Cô Độc (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1031. Cấp Cô Độc (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1032. Cấp Cô Độc (3) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1033. Đạt-ma-đề-ly **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1034. Trưởng thọ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1035. Bà-tẩu **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1036. Sa-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1037. Da-thâu **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1038. Ma-na-đề-na **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1039. Thuần-đà **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1040. Xả hành **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1041. Sanh Văn **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1042. Bề-la-ma (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1043. Bề-la-ma (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1044. Bề-nữ-đa-la **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1045. Tùy loại **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1046. Xà hành **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1047. Viên châu (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1048. Viên châu (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1049. Na nhân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1050. Pháp xuất không xuất **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1051. Bờ kia bờ này **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1052. Chân thật **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1053. Ác pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1054. Pháp chân nhân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1055. Mười pháp (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1056. Mười pháp (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1057. Hai mươi pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1058. Ba mươi pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1059. Bốn mươi **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 1060. Pháp phi pháp khổ **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1061. Phi luật chánh luật **Erreur ! Signet non défini.**  
 Tập a-hàm quyển 38 **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1062. Thiện Sanh **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1063. Xú lậu **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1064. Đề-bà **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1065. Tượng Thủ **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1066. Nan-đà (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1067. Nan-đà (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1068. Đê-sa **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1069. Tỳ-xá-khư **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1070. Niên thiếu **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1071. Trưởng lão **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1072. Tăng-ca-lam **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1073. A-nan **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1074. Bện tóc **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1075. Đà-phiêu (1) **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1076. Đà-phiêu (2) **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1077. Giặc **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1078. Tán-đảo-tra **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1079. Bạt-chấn **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1080. Tàm quý **Erreur ! Signet non défini.**  
 Tập a hàm quyển 39 **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1081. Khổ chúng **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1082. Ung nhọt **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1083. Ăn củ rễ **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1084. Trường thọ **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1085. Thọ mạng **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1086. Ma trói **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1087. Ngủ nghĩ **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1088. Kinh hành **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1089. Đại long **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1090. Ngủ yên **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1091. Cù-đề-ca **Erreur ! Signet non défini.**  
 Kinh 1092. Ma nữ **Erreur ! Signet non défini.**

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Kinh 1093. Tịnh bất tịnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1094. Khổ hành **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1095. Khất thực **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1096. Sợi dây **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1097. Thuyết pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1098. Làm vua **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1099. Số đông **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1100. Thiệt giác **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1101. Sư tử **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1102. Bát **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1103. Nhập xứ **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 40 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1104 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1105. Ma-ha-ly **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1106. Do nhân gì **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1107. Dạ-xoa **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1108. Được mắt **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1109. Được Thiệt Thắng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1110. Cột trời **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1111. Kính Phật **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1112. Kính Pháp **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1113. Kính Tăng **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1114. Tú-tỳ-lê **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1115. Tiên nhân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1116. Diệt sân **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1117. Ngày mồng tám **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1118. Bệnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1119. Bà-trĩ **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1120. Thệ ước **Erreur ! Signet non défini.**  
tạp a-hàm quyển 41 **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1121. Thích thị **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1122. Tật bệnh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1123. Bồ-đề **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1124. Vãng sanh **Erreur ! Signet non défini.**  
Kinh 1125. Tu-đà-hoàn (1) **Erreur ! Signet non défini.**

- Kinh 1126. Tu-đà-hoàn (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1127. Bốn pháp **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1128. Bốn quả (1) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1129. Bốn quả (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1130. Hàn xứ **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1131. Bốn thức ăn **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1132. Nhuận trạch (1) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1133. Nhuận trạch (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1134. Nhuận trạch (3) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1135. Bốn mươi thiên tử **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1136. Nguyệt dụ **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1137. Thí dũ **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1138. Thắng **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1139. Vô tín **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1140. Phật là căn bản **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1141. Quá già **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1142. Nạp y nặng **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1143. Khi ấy **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1144. Chúng giảm thiểu **Erreur ! Signet non đfni.**  
tạp a-hàm quyển 42 **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1145. Ứng thí **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1146. Sáng tối **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1147. Núi đá **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1148. Xà-kỳ-la **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1149. Bảy vua **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1150. Thở suyển **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1151. A-tu-la **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1152. Tân-kỳ-ca **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1153. Mạ lỵ (1) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1154. Mạ lỵ (2) **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1155. Trái nghĩa **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1156. Bất hại **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1157. Hỏa Dữ **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1158. Bà-tử-tra **Erreur ! Signet non đfni.**  
Kinh 1159. Ma-cù **Erreur ! Signet non đfni.**



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Kinh 1160. Cầm lọng vàng	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1161. La-hán pháp	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1162. Vợ chồng già	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1163. Già chết	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
TẬP A-HÀM quyển 43	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1164. Bà-la-diên	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1165. Tân-đầu lô	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1166. Ví dụ tay chân	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1167. Con rùa	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1168. Lúa	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1169. Cây đàn	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1170. Cùi hủi	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1171. Sáu chúng sanh	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1172. Rắn độc	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1173. Khổ pháp	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1174. Khúc gỗ trôi	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1175. Khẩn-thú dụ	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1176. Lậu pháp	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
Kinh 1177. Sông tro	<b>Erreur ! Signet non défini.</b>
tập a-hàm quyển 44 1	
Kinh 1178. Bà-tứ-tra	1
Kinh 1179. Mất bò	5
Kinh 1180. Trí giả	9
Kinh 1181. Thiên tác	10
Kinh 1182. Nghề ruộng	12
Kinh 1183. Nhặt củi	13
Kinh 1184. Tôn-đà-lợi (1)	16
Kinh 1185. Tôn-đà-lợi (2)	19
Kinh 1186. Búi tóc (1)	20
Kinh 1187. Búi tóc (2)	21
Kinh 1188. Tôn trọng	22
Kinh 1189. Phạm thiên (1)	24
Kinh 1190. Phạm chúa	26
Kinh 1191. Không nhàn xứ	26
Kinh 1192. Tập hội	28

Kinh 1193. Cù-ca-lê	30	
Kinh 1194. Phạm thiên (2)		32
Kinh 1195. Bà-cú phạm	35	
Kinh 1196. Tà kiến	37	
Kinh 1197. Nhập diệt	39	

## M